

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2023/DS-ST

Ngày: 21 - 8 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒ, TỈNH KG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Tững - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HỒ, tỉnh KG:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2023/TLST-DS, ngày 30 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2023/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 01B, khu phố TT, thị trấn HỒ, huyện HỒ, tỉnh KG. (có mặt)

2. **Bị đơn:** Bà Lý Thị H sinh năm 1957; cùng địa chỉ: ấp HS, xã TS, huyện HỒ, tỉnh KG. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 24/12/2020 bà Lý Thị H có vay của tôi 37.000.000 đồng, có biên nhận kèm theo, lãi suất được tính theo qui định của luật lãi suất hàng năm. Thời hạn vay 12 tháng. Từ đó đến nay bà Lý Thị H hứa lần hứa lượt và không trả tiền cho tôi

mặc dù tôi rất nhiều lần gọi điện để nhắc nhở bà Lý Thị H trả nợ. Việc bà Lý Thị H không trả nợ đã gây cho tôi nhiều khó khăn, thiệt hại.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lý Thị H phải trả số tiền vay gốc là 37.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 24/12/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (mức lãi suất 20%/năm), lãi suất tạm tính đến ngày 26/6/2023 là 18.530.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Lý Thị H trình bày: Bà xác định bà còn nợ bà N số tiền vốn gốc là 37.000.000 đồng và tiền lãi như yêu cầu khởi kiện của bà N nhưng do hoàn cảnh khó khăn, hiện nay bà bị mù phải lo tiền ăn hàng ngày nên không có khả năng trả tiền cho bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lý Thị H trả số tiền vốn gốc, lãi nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Bị đơn là bà H có địa chỉ nơi cư trú tại xã TS, huyện HĐ, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG.

Bà H có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của bà không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, bà N và bà H đều xác định vào ngày 24/12/2020 bà H có vay của bà N số tiền vốn gốc là 37.000.000 đồng. Bà N yêu cầu bà H thanh toán nợ gốc và lãi một lần, do hoàn cảnh khó khăn nên bà H không có khả năng thanh toán nợ cho bà N.

Đối chiếu với các quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015 thì việc bà N yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền vốn gốc 37.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận toàn bộ.

Đối với yêu cầu tính lãi của bà N, bà N yêu cầu bà H thanh toán tiền lãi cho bà N với mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 24/12/2020 cho đến ngày xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS nên được HĐXX chấp nhận.

Lãi suất được tính như sau: 37.000.000 đồng x 20%/ năm x 970 ngày = 19.939.000 đồng.

Tổng gốc và lãi bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà N là 56.939.000 đồng.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 12, Điều 14, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn là bà Lý Thị H.

Buộc bà Lý Thị H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay cả vốn lãi là 56.939.000 đồng (Năm mươi sáu triệu chín trăm ba mươi chín nghìn đồng), trong đó: vốn gốc là 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng) và lãi là 19.939.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí:

Yêu cầu khởi kiện và yêu cầu còn lại của bà N được Tòa án chấp nhận nên bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà N được nhận lại số tiền tạm ứng

án phí đã nộp là 1.388.000 đồng (Một triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000024 ngày 30/6/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện HD, tỉnh KG.

Bà H là người cao tuổi theo quy định của pháp luật và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên bà không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú